

B, ngày 04 tháng 5 năm 2019

Số: 724/2019/QĐST-VHNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 5, 6, 7 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 797/2019/TLST-VHNGĐ, ngày 23/4/2019 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh Hoàng Tuấn A, sinh năm 1972;

Địa chỉ: 119F/C3, ấp Long Đức 3, xã Gia Tân 2, huyện T, tỉnh Đồng Nai;

+ Chị Lê Thị Minh L, sinh năm 1978

Địa chỉ: 20/18, khu phố 8, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Tuấn A và chị Lê Thị Minh L tự nguyện kết hôn với nhau, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 03/8/2000 nên căn cứ Điều 5, 6, 7 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh Hoàng Tuấn A và chị Lê Thị Minh L xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống anh Tuấn A và chị L có 03 con chung là cháu Hoàng Thị Ngọc P, sinh ngày 21/9/2001; cháu Hoàng

Lê Hồng P1, sinh ngày 27/9/2004 và cháu Hoàng Thị Ngọc D, sinh ngày 08/10/2007. Ly hôn, anh Tuấn A và chị L thỏa thuận để chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 cháu Ngọc P, Hồng P1 và Ngọc D. Tạm thời, anh Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh Hoàng Tuấn A và chị Lê Thị Minh L mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh Tuấn A, chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004780 ngày 23/4/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố B.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Tuấn A, sinh năm: 1972 và bà Lê Thị Minh L, sinh năm: 1978 thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Hoàng Tuấn A và chị Lê Thị Minh L, giao 03 con chung là cháu Hoàng Thị Ngọc P, sinh ngày 21/9/2001; cháu Hoàng Lê Hồng P1, sinh ngày 27/9/2004 và cháu Hoàng Thị Ngọc D, sinh ngày 08/10/2007 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, anh Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Tuấn Anh được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản anh Tuấn Anh thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi vị trí nuôi con, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Anh Hoàng Tuấn A và chị Lê Thị Minh L mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh Tuấn A, chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004780 ngày 23/4/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố B.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS Tp.B;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hải Thị Liễu